

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 4,7ha tại bãi bồi sông Kôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Huệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 4,7ha tại bãi bồi sông Kôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Huệ tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 29/12/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác cát và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 4,7ha tại bãi bồi sông Kôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 06/CV-MH ngày 21/02/2022 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Huệ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 138/TTr-STNMT ngày 25/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác cát và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 4,7ha (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Huệ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại bãi bồi sông sông Kôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Huệ

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Vĩnh Quang theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trường hợp dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã Vĩnh Quang;
- Chủ dự án;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT VÀ CUỘI SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG, DIỆN TÍCH 4,7HA TẠI BÃI BỒI SÔNG KÔN,
XÃ VĨNH QUANG, HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP MINH HUỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác cát và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 4,7ha tại bãi bồi sông Kôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Minh Huệ.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Thôn Định Tổ, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0982.050.799 (Ông Nguyễn Hồng Thắng - Giám đốc).

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 4,7ha.

- Tuổi thọ mỏ: 04 năm. Thời hạn khai thác 02 năm; khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Công suất khai thác

+ Cát: 19.333m³ cát địa chất/năm (tương đương 21.460m³ cát nguyên khai/năm); chiều sâu khai thác trung bình +1,7m.

+ Cuội sỏi: 6.766m³/04 năm; chiều sâu khai thác trung bình +0,25m.

1.5. Phương pháp khai thác: Mở vỉa khai thác từ phía Đông Bắc Dự án (tại điểm góc số 2), khai thác theo lớp bằng. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ dòng chảy về bờ. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 1,25m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa trước khi đưa lên xe 15 tấn vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.6. Hạng mục, công trình của Dự án

- Khu vực phụ trợ (nằm trong khu vực mỏ): bố trí lán trại tạm diện tích khoảng 10m²; bãi lưu chứa tạm diện tích khoảng 1.200m² và máy sàng cát; lắp đặt trạm cân, camera để giám sát theo quy định.

- Tuyến đường ngoài mỏ: đường đất hiện trạng nối từ đường ĐT.637 đến khu mỏ có kích thước: dài 840m x rộng 5m x cao 0,3m; trong quá trình khai thác Công ty sẽ cải tạo nâng cấp tuyến đường để phục vụ Dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác cát gây nguy cơ sạt lở bờ.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

Nước thải sinh hoạt: khoảng $0,56\text{m}^3/\text{ngày}$, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác, vận chuyển cát và từ bãi lưu chứa tạm.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng $3\text{kg}/\text{ngày}$, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng $10\text{kg}/\text{năm}$.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng $01\text{kg}/\text{năm}$.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về xử lý nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý.

3.2. Về xử lý bụi

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi tập kết cát: thực hiện tưới nước, che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, xử lý theo quy định.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực mỏ					
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	3.965,4	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm
3.	Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ	m ³	2.098,5	Khởi thông dòng chảy	
4.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	10	Đảm bảo theo địa hình kết thúc mỏ	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
5.	Đo vẽ địa hình mặt cắt sông khu vực thượng lưu, hạ lưu và khu vực mỏ	ha	7,5	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II Khu vực ngoài mỏ					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư)	m ³	162,5	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Cải tạo tuyến đường đất hiện trạng	m ³	12,6	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **174.545.000 đồng** (Một trăm bảy mươi tư triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 43.637.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 130.908.000 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mở tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, Công ty phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước mặt khu vực hạ lưu Dự án với các thông số: pH, TSS, DO, Tổng dầu mỡ, BOD₅, COD, Coliform; so sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát bụi lơ lửng (TSP)01 điểm trên tuyến đường ĐT.637 đi qua khu vực dân cư; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.